

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐT-ST
Ngày: 20/01/2021
V/v: “Tranh chấp ly hôn và nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Phương

Bà Lê Thị Kim Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – *Thư ký Tòa án nhân dân huyện*

N

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:* Bà Đặng
Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên

Ngày 20/01/2021 tại Toà án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai
vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 439/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7
năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số: 901/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/12/2020 và Quyết định hoãn
phiên tòa số 1002/2020/QĐST – HNGĐ ngày 29/12/2020 của Tòa án nhân dân
huyện N giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1994

Địa chỉ: thôn T, xã L, huyện N, tỉnh N.

Tạm trú: ấp T, xã Ph, huyện N, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh Ngô Bá Tr, sinh năm 1994

Địa chỉ: khu phố 1, phường A, thị xã Q, tỉnh Q

Tạm trú: phòng T1- 343 khu nhà ở xã hội IDICO, khu phố M, thị trấn H,
huyện N, tỉnh Đ.

(Chị D, anh Tr vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 21/7/2020 của chị Nguyễn Thị Ngọc D và các
lời khai khác có tại hồ sơ vụ án thể hiện:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Tr tìm hiểu nhau và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường phường A, thị xã Q, tỉnh Q và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/6/2018. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống thường xuyên gây gỗ, cãi vã do bất đồng quan điểm sống nên từ đầu năm 2019 chị và anh Trung sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân, chị và anh Trung có trao đổi hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành.

Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trung.

Về con chung: chị D khai có 01 con chung là Ngô Kỳ A, sinh ngày 22/10/2018, hiện nay cháu A đang sống với chị. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay anh Tr không quan tâm, chăm sóc con, không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, chị xin nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D khai không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Ngô Bá Tr đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt nên không có lời khai tại hồ sơ.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:* Về trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự và quan hệ tranh chấp là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị D, anh Tr theo quy định.

Về nội dung: đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, cho chị D được ly hôn với anh Tr. Giao con chung cháu Ngô Kỳ A, sinh ngày 22/10/2018 cho chị D nuôi dưỡng, tạm thời anh Tr không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xét.

Về án phí: chị D phải chịu án phí dân sự trong vụ án Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Những kiến nghị khắc phục vi phạm: cần khắc phục thời hạn đưa vụ án ra xét xử

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Tại đơn khởi kiện ngày 21/7/2020 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị D có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Ngô Bá Tr và giải quyết về vấn đề con chung. Xét thấy chị D và anh Tr chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được UBND phường phường

A, thị xã Q, tỉnh Q và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/6/2018 là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

- Về thẩm quyền: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Tr đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; giấy triệu tập đương sự nhưng anh Trung vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị D và anh Tr theo quy định.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh Tr là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Chị D xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Tr và giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Tr. Xét yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Tr biết, tuy nhiên anh Tr không đến Tòa làm việc. Từ đó cho thấy, anh Tr không mong muốn hàn gắn đoàn tụ với chị D, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó, cần xét xử cho chị D được ly hôn anh Tr là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về con chung: Căn cứ vào tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự xác định giữa chị D, anh Tr có 01 con chung là Ngô Kỳ A, sinh ngày 22/10/2018, hiện nay cháu A đang sống với chị D. Chị D giữ nguyên yêu cầu về việc xin nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian sống ly thân thì anh Tr không quan tâm, chăm sóc cháu A, hơn nữa cháu A dưới 36 tháng tuổi nên được giao cho mẹ nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Xét thấy, yêu cầu của chị D về việc tiếp tục nuôi dưỡng cháu A là có căn cứ chấp nhận nên giao cháu A cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị D không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con nên không xét, tạm thời anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị D khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 220, 227, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 8, Điều 9, Điều 56 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D đối với bị đơn anh Ngô Bá Tr về việc “ Tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

Tuyên xử: chị Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với anh Ngô Bá Tr.

Về con chung: Giao con chung Ngô Kỳ A, sinh ngày 22/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Ngọc D tiếp tục nuôi dưỡng. Tạm thời anh Ngô Bá Tr không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Tr được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu số 0000615 ngày 21/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị D đã nộp xong.

3. Chị D, anh Tr được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TA tỉnh ĐN;
- VKS, THA cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lợi